

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/TCDS-ST
Ngày: 18 - 6 - 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Anh Trình và bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST-TCDS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DSST ngày 13-5-2021 giữa, các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt,

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đ, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Quảng Bình (*thực hiện theo Quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20-6-2017 của Tổng giám đốc NHTMCP Bưu điện Liên Việt về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc chi nhánh*). Địa chỉ chi nhánh: Số 01 Trần Hưng Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Ủy quyền lại cho ông Phan Công S, chức vụ: Giám đốc - PGD huyện Quảng Ninh; địa chỉ: Thôn D, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo văn bản ủy quyền số 42/2001/UQ-LienVietPostBank ngày 25 tháng 01 năm 2021, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Thu L, địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31-12-2020, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, (gọi tắt Ngân hàng Bưu điện), ông Phan Công S trình bày:

Ngân hàng TMCP Bưu điện - Chi nhánh Quảng Bình đã ký với bà Đặng Thị Thu L Hợp đồng tín dụng số HDTD4502018099 ngày 24 tháng 4 năm 2018 với tổng số tiền cấp tín dụng 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Mục đích cho vay: Mua sắm nội thất gia đình; phương thức cho vay: Cho vay từng lần; thời hạn cho vay: 36 tháng tính từ ngày 25 tháng 01 năm 2018 cho đến hết ngày 24 tháng 01 năm 2021; lãi suất cho vay: 8,0%/năm tính trên dư nợ lần đầu. Vay tín chấp không có tài sản đảm bảo. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đặng Thị Thu L đã trả nợ gốc 24.410.000 đồng, còn nợ 23.590.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Do không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay của bà Đặng Thị Thu L đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ tháng 12/2019. Tính đến thời điểm khởi kiện, bà Đặng Thị Thu L mới thanh toán được một phần tiền gốc là 24.410.000 đồng; tháng 5/2021 bà L đã trả tiền gốc 500.000 đồng.

Từ đó đến nay, bà L không nghiêm túc thực hiện trả toàn bộ phần nợ gốc và lãi quá hạn của khoản vay theo yêu cầu của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, đồng thời trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bất hợp tác với Ngân hàng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Đặng Thị Thu L còn nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt các khoản sau: Nợ gốc 23.090.000 đồng, lãi quá hạn 5.714.672 đồng, lãi chậm trả gốc 3.047.803 đồng, phạt lãi chậm trả lãi 611.190 đồng. Tổng cộng 32.463.665 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Nhà nước, Ngân hàng TMCP Bưu điện đề nghị Tòa án huyện Quảng Ninh buộc bà Đặng Thị Thu L phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Bưu điện tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.463.665 đồng, trong đó tiền gốc 23.090.000 đồng, lãi quá hạn 5.714.672 đồng, lãi chậm trả gốc 3.047.803 đồng, phạt lãi chậm trả lãi 611.190 đồng. Bà Đặng Thị Thu L còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cấp tín dụng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày trả xong nợ.

Bị đơn bà Đặng Thị Thu L đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30 tháng 3 năm 2021, bà Nguyễn Thị V (mẹ chồng bà Đặng Thị Thu L) trình bày: Bà Đặng Thị Thu L là con dâu của tôi, tôi được biết L có vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền 23.590.000 đồng vào năm 2018 để xây dựng xưởng may. Do quá trình làm ăn thua lỗ, vợ chồng L -

L đã đi làm ăn. Hiện nay, L đang ở nước Nga, còn L vào Huế hay Đà Nẵng tôi không biết cụ thể địa chỉ ở đâu, từ đầu năm 2020. Nay Ngân hàng khởi kiện, tôi có ý kiến đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng L - L trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng trở lên, bắt đầu từ tháng 4 năm 2021, tôi sẽ có trách nhiệm liên hệ với vợ chồng L - L để trả nợ cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng L - L trả số nợ gốc và miễn lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các điều 51, 209, 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định tại các điều từ 213 đến điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 49, 50, 51, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Đặng Thị Thu L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền nợ gốc 23.090.000 đồng, nợ lãi quá hạn 5.714.672 đồng, nợ lãi chậm trả gốc 3.047.803 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 611.190 đồng. Tổng cộng 32.463.665 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến ngày bà Đặng Thị Thu L trả nợ xong cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt khởi kiện bị đơn bà Đặng Thị Thu L yêu cầu thanh toán tiền vay do vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quảng Ninh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn bà Đặng Thị Thu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Đặng Thị Thu L.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét theo nội dung hợp đồng tín dụng vay tiền, yêu cầu trả nợ của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt: Ngày 24 tháng 4 năm 2018, bà Đặng Thị Thu L đã ký kết Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để vay số tiền 50.000.000 đồng, mục đích mua sắm nội thất gia đình. Bà L đã thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc tiền gốc là 24.410.000 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ tiếp theo, bà L không trả; Ngân hàng thông báo chuyển nợ quá hạn, nhiều lần thông báo vi phạm hợp đồng, yêu cầu bà L trả nợ, bà L vẫn không trả. Sau khi khởi kiện, đến tháng 5/2021 bà L trả tiền gốc cho Ngân hàng 500.00 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Đặng Thị Thu L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 32.463.665 đồng, trong đó gốc 23.090.000 đồng, lãi quá hạn 5.714.672 đồng, lãi chậm trả gốc 3.047.803 đồng, lãi chậm trả lãi 611.190 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên việc khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và theo thỏa thuận Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số HDTD4502018099 ngày 24 tháng 01 năm 2018.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HDTD4502018099 ngày 24 tháng 01 năm 2018 mà hai bên đã ký kết, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất của hợp đồng vay 8,0%/năm. Thỏa thuận lãi suất này không vượt quá và đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết. Hội đồng xét thấy rằng, sau khi vay tiền bà L đã trả một phần nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, kỳ hạn trả nợ tiếp theo vào tháng 12-2019, bà L không thanh toán nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Từ tháng 12-2019 cho đến ngày khởi kiện bà L không trả cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn tại hợp đồng đã ký kết giữa các bên; do bà Đặng Thị Thu L không thực hiện trả gốc và lãi theo cam kết nên phải chịu tiền lãi suất chậm trả lãi. Như vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi, phạt chậm trả lãi là có căn cứ nên cần được xem xét chấp nhận, buộc bà L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ lãi quá hạn 5.714.672 đồng, nợ lãi chậm trả gốc 3.047.803 đồng, phạt lãi chậm trả lãi 611.190 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bà L phải nộp 1.623.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Buộc bà Đặng Thị Thu L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt số tiền 32.463.665 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 23.090.000 đồng, nợ lãi quá hạn 5.714.672 đồng, nợ lãi chậm trả gốc 3.047.803 đồng, phạt lãi chậm trả lãi 611.190 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Thu L phải 1.623.000 (Một triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt được nhận lại 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007156 ngày 26-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA